**DẤU ẤN “GIA HỘI, CHỢ DINH, BAO VINH” TRONG NỀN KINH TẾ THƯƠNG NGHIỆP VIỆT NAM DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (1802 - 1858)**

Lê Thị Hoài Thanh[[1]](#footnote-1)\*

**1. Đặt vấn đề**

Trong lịch sử hình thành, phát triển của đô thị Huế, Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh đã và đang là những khu phố cổ với các đặc trưng về hoạt động kinh tế, kiến trúc, văn hóa tín ngưỡng. Và điều này xuất phát từ căn nguyên đến từ trong lịch sử, đó chính là sự tồn tại của Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh với tư cách là trung tâm buôn bán sầm uất nhất ở Kinh đô thời Nguyễn. Đặc biệt, dưới triều Minh Mạng (1820-1841), những khu phố này đã có bước chuyển đột phá, từng bước vươn lên chiếm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế thương nghiệp và có đóng góp nhất định đối với vùng đất Thừa Thiên. Do vậy, nghiên cứu về hoạt động thương mại ở Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh sẽ góp phần nhận diện một cách rõ nét về vai trò, vị trí của những khu thương mại này trong nền kinh tế thương nghiệp Việt Nam ở Kinh đô Phú Xuân vào nửa đầu thế kỷ XIX.

**2. Dấu ấn của Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh trong nền kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn (1802 - 1858)**

Dưới sự trị vì của các vua Nguyễn, song hành với những điều chỉnh, thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước; sắp xếp đơn vị hành chính mang tính thống nhất trong toàn quốc, các chính sách nhằm phát huy chức năng, hiệu quả của từng ngành kinh tế vẫn được triều đình triển khai nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của đất nước. Bên cạnh việc chăm lo hoạt động sản xuất nông nghiệp – vốn là ngành kinh tế đóng vai trò chủ đạo, triều Nguyễn còn quan tâm đến sự phát triển của công thương nghiệp.

Với kinh tế thương nghiệp, để có thể đáp ứng việc cung ứng, trao đổi hàng hóa đảm bảo cả số lượng và chất lượng trên thị trường, nhà Nguyễn tiếp tục duy trì, mở rộng mạng lưới chợ làng khắp toàn phủ. Đặc biệt, ngay tại Kinh đô, không thể không kể vai trò của phố Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh. Những địa điểm được đánh giá là nơi hoạt động buôn bán diễn ra sôi động bậc nhất lúc bấy giờ.

***2.1. Khu phố Gia Hội, Chợ Dinh***

Khu phố Gia Hội, Chợ Dinh nằm về phía Đông Nam của Kinh thành. Ngay tại khu vực này có hai ngôi chợ nổi tiếng là chợ Được và chợ Dinh. Vào thời Gia Long và những năm đầu triều Minh Mạng, chợ Được[[2]](#footnote-2) (tức chợ Gia Hội), tục danh là chợ Mụ Đặng tọa lạc trên một vùng đất rộng lớn dọc theo sông. Chợ Được được đánh giá là ngôi chợ đầy đủ nhất với mọi thứ hàng hóa nhu yếu. Mặt hàng tại chợ đa dạng với nhiều chủng loại như thịt cá, rau, hoa quả, gia vị…. Theo Michel Đức Chaigneau[[3]](#footnote-3), ở chợ Được hàng hóa được phân bố như sau: chỗ này thì một đám dân chài, khuôn mặt sạm đen với nắng gió, áo màu đà, ống quần vừa ngang bắp đùi để lộ ra đôi chân vạm vỡ, hơi đen điu bụi bặm, đầu đội nón lá, đứng sau những giỏ đầy cá đang quẫy đạp như cố tìm đường thoát. Chỗ kia thì những người bán thịt heo đang cắt bán cho khách trên thớt gỗ vuông, có cả thịt đã luộc chín với thịt tươi sống. Đằng xa hơn là những hàng gia vị với những hủ muối, những lọ tiêu, ớt bột hay những loại hương liệu khác, những hàng trái cây với những mẹt tre đầy cam, ổi, chuối, v.v…Ở một góc chợ, một số khác, cả đàn ông và đàn bà, đang bán cá ướp muối và nước mắm, người ở đây gọi là mắm và nước mắm, những món thiết yếu của nhà bếp xứ An Nam…Ở một góc khác, ta có thể thấy những người bán một loại rau được cho lên men [dưa cải, dưa giá] trong những chum với một ít nước tương… Ở bên này thì có những người bán trà,… bên kia là nơi những hàng bán rượu gạo[[4]](#footnote-4).

Với chợ Dinh, tuy nhỏ hơn chợ Được nhưng cảnh quan và hàng hóa buôn bán cũng gần như tương tự. Giống như chợ Được, chợ Dinh cũng có con đường nối dài, song song với con đường thứ nhất, dọc hai bên đường là hàng quán và tư gia.

Có thể thấy, hoạt động buôn bán ở chợ Dinh và chợ Được diễn ra với phạm vi rộng lớn hơn so với chợ làng lân cận. Tuy nhiên, hàng quán nơi đây vẫn còn thô sơ, như Finlayson đã đề cập đến: “*Chợ [tức chợ Dinh] là một con đường thông thoáng, dài khoảng một dặm, hai bên đều có hàng quán. Các hàng quán phần nhiều là những túp lều nghèo nàn, làm bằng lá tơi, còn lại những cái khác thì phụ thuộc vào những cái nhà chắc chắn hơn chủ yếu được làm bằng gỗ, mái ngói hoặc tranh. Dầu hàng quán nào đi nữa, thì cũng vẫn là sự nghèo nàn thậm tệ… Trong chợ này, các quán hàng phần nhiều do người bản xứ làm chủ*”[[5]](#footnote-5). Điều này cũng khá trùng khớp với những mô tả của Michel Đức Chaigneau: “*dọc theo hai bên đường là những cái chòi không cùng kích cỡ: là những hàng quán, lớn có, nhỏ có, cái thì thấp lè tè, cái thì cao, gần như tất cả đều lợp tranh. Để đóng vào mở ra, mỗi hàng quán có những tấm phên, phủ rơm hay lá khô, bắt cố định ở phía trên, có thể tùy ý nâng lên hạ xuống, dùng hai thanh tre để dựng thành một mái nghiêng*”[[6]](#footnote-6).

Đến tháng 5-1837, chợ Gia Hội được nâng cấp, mở rộng. Theo Minh Mạng, một dải phố bờ phía đông sông tả hộ thành, dân cư xen lẫn nhà gianh, thường bị nạn cháy. Do vậy, nhà vua sai thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Lê Văn Thảo đem biền binh làm nhà ở chợ Gia Hội lợp bằng ngói (89 gian), mặt trước chợ ra đến sông làm một cái đình gọi là đình Quy Giả, đình làm 2 tầng. Như vậy, với lần chỉnh trang này, chợ Gia Hội khoác lên mình một diện mạo mới với quy mô lớn, khang trang hơn.

Đồng thời, từ phía bắc cầu Gia Hội đến chỗ ngang với góc đài Trấn Bình, triều đình cho lập phố gọi là phố Gia Hội, Đông Ba, Đông Hội (Tất cả 399 gian, dài suốt hơn 319 trượng, dân xin làm lại 147 gian, nhà nước làm 252 gian, cột đều bằng gạch, xây bằng vôi, mặt trước làm cửa ngõ, cứ 3 gian ngăn bằng tường gạch, mặt sau xây gạch, vách mở cửa cuốn, sau vách để không 5 thước làm đường nhỏ, từ phía bắc cầu Gia Hội đến phía nam cầu Đông Ba gọi là phố Gia Hội, từ phía bắc cầu Đông Ba đến phía nam cầu Thế Lại gọi là phố Đông Ba, từ phía bắc cầu Thế Lại đến chỗ ngang với góc đài Trấn Ninh gọi là phố Đông Hội, bờ sông xây bờ đá, lan can xây bằng gạch để ngăn chắn)[[7]](#footnote-7). Ngoài ra, vua Minh Mạng còn quy định lấy tên hàng gọi là ba hàng ở phía đông thành.

Cùng với phố Gia Hội, Đông Gia và Đông Hội, hệ thống buôn bán ở phía Đông Kinh thành Huế còn trải dài theo triền sông Hương từ chợ Gia Hội đến chợ Dinh[[8]](#footnote-8). Ngay từ cuối thế kỷ XVIII, trước sự suy yếu của cảng Thanh Hà, Hoa thương đã dời lên phố chợ Dinh. Tấm bia cổ ở Hội quán Phúc Kiến khắc năm 1807 với nội dung “*Từng nghe, khai sáng ắt có kẻ trước, việc tốt ắt truyền đời sau. Tam vị nha công thay trời tuần hành thiên hạ, chúng ta dựng miếu thờ phụng từ năm Giáp Dần (1794), mong đợi phước thần trải bao ngày tháng*”[[9]](#footnote-9) đã chứng tỏ một bộ phận Hoa thương đến chợ Dinh từ trước năm 1794. Để đến năm 1836, triều đình cho phép từ chợ Gia Hội thẳng đến hạ ấp chợ doanh, chia đặt làm 8 hàng, tên hiệu riêng biệt, gọi là 8 hàng dọc sông (Gia Thái hàng, Hòa Mỹ hàng, Phong Lạc hàng, Doanh Ninh hàng, Hội Hòa hàng, Mỹ Hưng hàng, Thụy Lạc hàng, Tam Đăng hàng, dài suốt hơn 452 trượng), các hạng đều có biển ngạch (viết rõ tên hàng như các chữ Gia Hội hàng v.v…) đặt một người hàng trưởng, để truyền bảo công việc cho nhanh.

***2.2. Khu phố Bao Vinh***

Đến đầu thế kỷ XIX, nối tiếp Thanh Hà[[10]](#footnote-10) - phố cảng đảm nhận vai trò là phần “thị” rất quan trọng của đô thành Phú Xuân thời chúa Nguyễn, Bao Vinh đã vươn lên “thay thế” chức năng kinh tế của Thanh Hà. Cũng nằm ở phía Đông Kinh thành Huế như Gia Hội, nhưng Bao Vinh lại “*cận thị, cận giang, cận lộ lại cận Kinh và cận Thanh Hà*”[[11]](#footnote-11) và nhất là đặc điểm của một cảng sâu đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa bằng thủy lộ từ các làng xã phụ cận và thương nhân ngoại quốc đến giao lưu buôn bán. Lợi thế này đã được J. Morineau đề cập đến, đó là “*Bao Vinh có dòng sông đẹp nên đã nổi tiếng với các chợ nổi của nó, là nơi hội tụ của biết bao nhiêu chiếc thuyền lớn, sức chở và hình dáng khác nhau, đến đây từ khơi xa hay các vùng biển lân cận, của biết bao nhiêu chiếc thuyền nhỏ đến đây từ các đầm phá phía bắc phía nam, từ các sông nhỏ sông lớn trong nội địa*”[[12]](#footnote-12).

Là nơi đón nhận các thương thuyền nội địa và quốc tế, Bao Vinh sớm thu hút sự có mặt của các thương nhân kể cả người Việt lẫn người Hoa. Đặc biệt, khi phố cảng Thanh Hà suy yếu, một bộ phận Hoa thương đã chuyển lên Bao Vinh để mua đất, lập phố buôn bán khiến người Hoa ở đây càng đông đảo thêm.

Với thị trường trong nước, Bao Vinh được đánh giá là “*chợ quan trọng và đẹp nhất của vùng này*”[[13]](#footnote-13) và là một cảng với đủ các loại tàu thuyền và hàng hóa từ các địa phương hội tụ về. Theo J. Morineau, ở Bao Vinh, ngoài những loại thuyền đi khơi, còn có các loại thuyền kiểu dáng hoàn toàn An Nam với thủy thủ đoàn Bắc Kỳ hay An Nam tùy theo chủ thuyền là Nam Định, Phan Rí, Quy Nhơn hay Đà Nẵng. Thuyền Nam Định chở các chuyến hàng đủ thứ: tơ lụa Nam Định, bàn ghế chạm trổ hoặc cẩn xà cừ Bắc Kỳ, chiếu Phát Diệm rất đẹp, quế Thanh Hóa và các mặt hàng của Bắc Kỳ…Từ Phan Rí hay Quy Nhơn hay Đà Nẵng ra, thuyền chở theo muối, đồ gốm đủ cỡ đủ loại và các thứ hàng để trao đổi thông thương như gạo, đậu phụng, vừng, trái dừa, dây dừa, tiêu và thuốc lá[[14]](#footnote-14).

Bên cạnh việc trao đổi với thị trường nội địa, Bao Vinh còn là cửa ngõ của Kinh thành Huế trong việc đón nhận các thương nhân ngoại quốc, chủ yếu là Hoa thương. Đó là hình ảnh của các “thương *thuyền Trung Hoa cập cảng biển của Kinh thành [Thuận An] rồi theo một đoạn đường sông dài khoảng mười hai cây số ngược dòng lên tận Bao Vinh… Những thương thuyền này mang đến tơ lụa, đồ sứ, trà, thuốc Bắc, trái cây, mứt, đồ chơi trẻ con, rồi lại quay về với một lượng vừa phải những sản phẩm xứ An Nam như cau khô, tơ thô, gỗ màu, dầu bóng đàng ngoài, da tê giác, da voi, ngà voi…”*[[15]](#footnote-15)*.* Sau khi tiến hành giao thương, Hoa thương lên thuyền rời Bao Vinh với nhiều sản phẩm hàng hóa đã thu mua tại đây để đưa về Trung Hoa. Ngoài những mặt hàng như Michel Đức Chaigneau mô tả ở trên, J. Morineau còn bổ sung thêm, đó là “*các thứ gạo, ngô, sắn, khoai và lâm sản như mây, tre cán giáo, ván thuyền, trầm hương và các sản phẩm của miền Thượng được tập trung về Huế do người Annam và Tàu, các thứ trái cây của các vườn giàu có ở Huế như: cau, thanh trà, cam, quýt và gần đây còn có thêm sản phẩm của nhà máy vôi Long Thọ*”[[16]](#footnote-16).

***2.3. Đặc điểm và vai trò của Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh đối với sự phát triển kinh tế Thừa Thiên nửa đầu thế kỷ XIX***

Có thể nhận thấy, sự tồn tại và hoạt động thương mại của khu phố Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh chịu tác động sâu sắc từ bối cảnh lịch sử và chính sách thương nghiệp của chính quyền nhà Nguyễn. Vào nửa đầu thế kỷ XIX, đất nước thống nhất với sự ổn định và vận hành có hiệu quả của bộ máy nhà nước là cơ sở thuận lợi cho việc phát triển của các ngành kinh tế, trong đó có thương nghiệp. Đồng thời, sự quan tâm của các vua Nguyễn đối với nền kinh tế thể hiện qua hàng loạt các chủ trương, chính sách đã thúc đẩy kinh tế lên một bước tiến mới. Tuy dựa trên quan điểm “*dĩ nông vi bản*” nhưng các vua Nguyễn không vì thế mà không tạo điều kiện cho sự phát triển của thương nghiệp bởi lẽ đây là ngành kinh tế có vai trò hết sức quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu hàng hóa cho đời sống xã hội đương thời. Trên cơ sở đó, các chính sách nội/ngoại thương được ban hành nhằm khẳng định vai trò và sự kiểm soát của nhà nước đối với nền kinh tế thương nghiệp.

Về nội thương, đó là các chính sách về tiền tệ, đơn vị đo lường, giá cả, thuế, hệ thống giao thông. Đối với tiền tệ và đơn vị đo lường, việc đúc và cho phép các đồng tiền lưu thông cũng như thống nhất các đơn vị đo lường trên thị trường là cơ sở để người tham gia buôn bán tại Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh sử dụng nó làm phương tiện trao đổi hàng hóa. Đối với chế độ thuế khóa, triều đình quy định chi tiết số tiền người buôn ở phố chợ Gia Hội phải nộp trong năm. Cụ thể, các người bày hàng ở phố chợ thì “*chia ra từng hạng đánh thuế (hàng năm 1.286 quan tiền) cùng với tiền nhà ở phố phải nộp (30.240 quan tiền) sung cấp cho dinh vệ các quân để chi phí việc công nhu*”[[17]](#footnote-17). Để thuận lợi cho việc di chuyển, lưu thông hàng hóa ở những khu phố này, các vua Nguyễn chú trọng việc hoàn thiện hệ thống đường quan, tu sửa cầu cống, đào sông ngòi,… Về đường bộ, những mô tả về Gia Hội, Bao Vinh với hình ảnh của hai bên đường là những dãy phố cho phép nhận diện về các con đường theo trục phố - nơi người dân tiến hành hoạt động thương mại. Về đường thủy, gắn liền với phố chợ Gia Hội là con sông đào Đông Ba. Ngoài ra, còn có bến Gia Hội, bến này được xem là một trong những “*bến đò ngang quan trọng*” của huyện Hương Trà. Ở Bao Vinh, cảng nước sâu tạo điều kiện cho thương thuyền trong và ngoài nước cập bến.

Về ngoại thương, triều Nguyễn đặt ra chế độ thuế khóa, tập trung vào thuế nhập cảng, thuế hàng hóa. Chẳng hạn, trong năm 1820, triều đình quy định mức thuế dành cho thuyền buôn đến từ phủ Quảng Châu, phủ Triều Châu, Châu Nam Hùng, phủ Huê Châu, phủ Thiệu Khánh, tỉnh Phúc Kiến, tỉnh Chiết Giang, Ma Cao và Tây Dương đến Việt Nam buôn bán, trong đó có Thừa Thiên như sau[[18]](#footnote-18):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xuất xứ** | **Cập bến** | **Bề ngang thuyền**  **(Đơn vị tính: thước)** | | | |
| 7-8 | 9-10 | 11-13 | 14-25 |
| Phủ Quảng Châu  Phủ Triều Châu  Châu Nam Hùng  Phủ Huê Châu  Phủ Thiệu Khánh  Tỉnh Phúc Kiến  Tỉnh Chiết Giang  Ma Cao  Tây Dương | **Thừa Thiên**  Quảng Trị  Quảng Bình | 21 q/t[[19]](#footnote-19) | 20 q/t | 54 q/t | 84 q/t |
| Quảng Ngãi  Nghệ An  Thanh Hóa | 24,5 q/t | 49 q/t | 63 q/t | 98 q/t |
| Quảng Nam  Bình Định  Phú Yên  Bình Hòa  Bình Thuận  Bắc Thành | 28 q/t | 56 q/t | 72 q/t | 112 q/t |
| Gia Định | 35 q/t | 70 q/t | 90 q/t | 140 q/t |

Cũng trong năm 1820, Minh Mạng tiếp tục quy định số thuế dành cho thuyền buôn từ phủ Triều Châu đến Thừa Thiên là 18 quan/thước; 20 quan/thước, 42 quan/thước và 66 quan/thước tương ứng với bề ngang thuyền lần lượt là 7-8 thước, 9-10 thước, 11-13 thước và 14-25 thước[[20]](#footnote-20). Ngoài ra, trong một số trường hợp, triều đình còn cho miễn giảm thuế nhập cảng. Về cách thức thu thuế, khi có thuyền buôn tới Kinh đô buôn bán, viên quản ty Thương bạc sẽ được phái đến để khám đo. Khi xong việc, quan phụ trách ghi chép vào sổ sách để báo cáo.

Hoạt động buôn bán ở Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh diễn ra tấp nập với sự tham gia của mọi thành phần trong xã hội. Đó là “*sự hiện diện của gia nhân, đầu bếp, viên chức nhỏ, người buôn bán, dân nghèo, thợ thuyền trong các buổi chợ*”[[21]](#footnote-21). Người nông dân, thợ thủ công thuộc phủ Thừa Thiên đem sản phẩm (nông phẩm, hàng thủ công hoặc các sản phẩm lâm thổ sản, thủy hải sản) đến đây để bán và mua về những mặt hàng cần thiết. Với thành phần này, người dân vừa là người sản xuất nhưng cũng vừa là người tiêu dùng và chợ Gia Hội, chợ Dinh, cảng Bao Vinh đóng vai trò trung gian trong việc thực hiện sự chuyển đổi vị trí đó. Do vậy, việc trao đổi này thường diễn ra với quy mô nhỏ bé trên các phương diện về cách thức di chuyển, về vốn và lãi. Bên cạnh người nông dân, thợ thủ công, người buôn bán chuyên nghiệp chính là lực lượng quan trọng tạo nên diện mạo của phố Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh. Đó là những thương nhân có sạp hàng cố định trong phố chợ và các lái buôn thu gom hàng hóa để phân phối cho thương nhân ở chợ. Cùng với người Việt, hoạt động thương mại tại các khu phố này còn có sự hiện diện của người Hoa. Trong các thế kỷ XVI – XVIII, xuất phát từ nhiều nguyên do, người Hoa đã di cư đến Đàng Trong và được sự cho phép của chính quyền chúa Nguyễn, họ đã trở thành một phần trong bức tranh dân cư ở xứ Thuận Hóa. Với khả năng buôn bán khéo léo, người Hoa dần khẳng định vai trò của mình trong hoạt động thương nghiệp, nhất là ở phố cảng Thanh Hà. Đến cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, khi hoạt động buôn bán ở phố cảng Thanh Hà suy giảm, bộ phận Hoa kiều đã di chuyển đến Bao Vinh để tiếp tục con đường kinh doanh. Vì vậy, ở nơi đây “*Người An Nam và người Hoa cùng làm ăn buôn bán với nhau, đặc biệt là những món hàng sang trọng…Người Hoa làm chủ phần lớn các cửa hiệu, đầy ắp cả hàng hóa đến từ Trung Hoa*”[[22]](#footnote-22). Có thể khẳng định, hoạt động kinh tế của Hoa thương là một đặc điểm nổi bật của các phố chợ và đây cũng là yếu tố tạo nên sự khác biệt so với các địa điểm buôn bán khác ở phủ Thừa Thiên lúc bấy giờ.

Một đặc điểm nữa phải kể đến của khu phố Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh là nơi phức hợp “*phố - chợ*” hay “*phố - chợ - cảng*” được biểu hiện rõ nét nhất. Phố, chợ, cảng không chỉ là nơi diễn ra hoạt động thương mại mà hệ thống này còn bổ sung cho nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Các dãy phố Gia Hội, Đông Gia, Đông Hội được xây dựng phải tuân thủ theo kiểu thức, vật liệu mà triều đình quy định: “*Cột nhà đều xây bằng gạch, mặt trước đặt cánh cửa, cứ 3 gian lại có tường gạch xây ngang, mặt sau xây tường trổ cửa tròn*”[[23]](#footnote-23). Tại phố Chợ Dinh, ở tám hàng ven sông đều có nhà ngói liền kề, giữa là đường phố. Ở khu vực này hình thành 2 bến cảng: một tập trung hàng hóa nội thương ở khu vực đường Chi Lăng ngày nay và một dành cho Hoa Kiều ở trước Quảng Triệu hội quán[[24]](#footnote-24). Còn tại Bao Vinh, phố được mô tả: “*hai bên đường là những ngôi nhà khang trang, gần như tất cả đều lợp ngói: có những ngôi nhà là những khối gian nhà hình vuông thông với nhau qua những hành lang bên hông, ở chính giữa có khoảng sân, những căn nhà khác thì chỉ độc một tòa nhà có vườn phía sau. Tất cả các tòa nhà trong khu vực gần như theo cùng một khuôn mẫu, cả về mặt kiến trúc và bố trí bên trong: căn nhà chính được phân làm hai theo chiều dài, có một lối đi rộng xuyên suốt bố trí ở giữa, phần phía mặt đường bố trí thành hai cửa hàng, những gian phía sau cũng như những gian nhà phụ được dùng làm nơi ăn ở và nhà kho*”[[25]](#footnote-25). Có thể thấy, cửa hàng, phố xá được quy hoạch một cách quy củ không chỉ mang lại tính thẩm mỹ mà còn góp phần tăng thêm hiệu quả của hoạt động buôn bán.

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, sự tồn tại và phát triển của khu thương mại Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh có vai trò to lớn đối với đời sống xã hội ở Kinh đô. Vai trò đầu tiên và quan trọng nhất phải kể đến là chức năng kinh tế của các khu thương mại này. Hoạt động buôn bán với tính đa dạng, phong phú trong cơ cấu mặt hàng đã đáp ứng được nhu cầu của người dân. Hay nói cách khác, đó là “*nơi mà đông đảo người dân ở Kinh thành có thể mua sắm mọi thứ cần dùng trong đời sống sinh hoạt*”[[26]](#footnote-26). Và sự phát triển của hoạt động thương mại tại đây đã có tác dụng kích thích các ngành kinh tế còn lại là nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển hơn nữa nhằm đáp ứng đầy đủ lượng hàng hóa cung ứng thị trường. Cụ thể, nhiều nghề thủ công tiếp tục phát triển và xuất hiện thêm nhiều nghề mới như nghề đúc đồng, nghề làm gốm Phước Tích, nghề làm nón Tam Giáp Thượng Triều Sơn, Phủ Cam; nghề đan lát Bao La, nghề làm hoa giấy Thanh Tiên, nghề kim hoàn Kế Môn,…

Tuy nhiên, nếu đặt trong sự đối sánh với hoạt động thương mại của các trung tâm buôn bán lớn ở Hà Nội, Gia Định thì có lẽ nền thương mại nơi đây còn hạn chế, chưa thật sự tương xứng với yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa của Kinh đô cả nước. Dù vậy, sự tồn tại của Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh với tư cách là những trung tâm buôn bán lớn, sôi động nhất ở Kinh đô Huế đã có ý nghĩa trong việc tạo nên một cuộc sống ổn định, nơi mà Michel Đức Chaigneau cho rằng “*Dân cư khu vực này [Bao Vinh] có đời sống an nhàn dư dả hơn các khu vực ngoại ô khác của Kinh thành*”[[27]](#footnote-27). Chính sự giàu có này đã trở thành một trong những yếu tố mang lại sự hưng thịnh cho vùng đất Thừa Thiên dưới triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX.

**3. Kết luận**

Dưới triều Nguyễn, khu phố Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh là những trung tâm thương mại lớn ở Kinh đô Huế. Sự phát triển này là bước tiếp nối của nền tảng kinh tế thương nghiệp đã tạo dựng từ các thế kỷ trước cũng như bắt nguồn từ chủ trương của triều Nguyễn trong việc “*nỗ lực tái cấu trúc không gian sinh hoạt thương mại nhằm xây dựng khu vực phía đông Kinh thành trở thành đầu mối giao thương, một phố thị ngăn nắp, quy củ và hiện đại*”[[28]](#footnote-28). Trong quá trình tồn tại, những đặc điểm về vị trí, cơ cấu mặt hàng, thành phần tham gia buôn bán và hiệu quả thương mại đạt được trong suốt nửa đầu thế kỷ XIX đã khiến phố Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh trở thành mảng màu nổi bật nhất trong bức tranh kinh tế thương nghiệp Việt Nam tại Kinh đô Huế. Những dấu ấn đặc sắc trong quá khứ này đã, đang và sẽ tiếp tục gợi mở cho hậu thế nhiều suy ngẫm để có thể phát huy hơn nữa giá trị kinh tế vốn có của phố Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh trong bối cảnh hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Bang (2006), “Phố cảng Thanh Hà – Bao Vinh trung tâm thương mại Phú Xuân – Huế thế kỷ XVII – XVIII – XIX”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5, tr. 3-10.

2. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. L. Cadière, H. Cosserat (2001), “Những người Pháp phục vụ vua Gia Long”, *Những người bạn Cố đô Huế*, tập IX, 1922, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 5-47.

4. Michel Đức Chaigneau (2020), *Hồi ức về Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX*, Lê Đức Quang dịch và chú giải, Trần Đình Hằng giới thiệu, Nxb Hà Nội, Hà Nội.

5. Trần Đình Hằng (2023), Chuyện chợ Được ở Huế, <https://baothuathienhue.vn/van-hoa-nghe-thuat/chuyen-cho-duoc-o-hue-124923.html>, truy cập ngày 7-12-2023.

6. Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Văn Đăng (2000), *Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

7. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế.

8. J. Morineau (2018), “Bao Vinh – thương cảng Huế”, *Những người bạn cố đô Huế (1916)*, tập III, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 195-204.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

11. Nguyễn Anh Tuấn, Đỗ Minh Điền (2023), “Phố cổ tại Thừa Thiên Huế: Lịch sử hình thành và phát huy tiềm năng”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Giá trị di sản văn hóa thời Nguyễn*, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, tr. 260-280.

1. \* NCS Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế (University of Education, Hue University). [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo bài tựa họ Hồ (Canh Tý, 1900), phái Tống Hồ làng Hương Cần có ngài Hồ Văn Duyên là khai canh của làng, người con là Hồ Văn Mai (từng giữ các chức Tri bạ; Cai đội coi cơ đội Tả Trung bộ - đóng ở gần ngã ba sông Đông Ba và sông Hương; Chưởng doanh dưới thời chúa Nguyễn). Ông có người con gái Hồ Thị Được nhập cung, trở thành vợ chúa Nguyễn Phúc Chu, được ban họ Tống. Năm 1806, nhà Nguyễn truy tôn là Từ Huệ cung thục Ý đức Kính mục Hiếu minh hoàng hậu. Dân gian đã lấy tên bà đặt tên cho ngôi chợ này. [Trần Đình Hằng (2023), Chuyện chợ Được ở Huế, https://baothuathienhue.vn/van-hoa-nghe-thuat/chuyen-cho-duoc-o-hue-124923.html, truy cập ngày 7-12-2023]. [↑](#footnote-ref-2)
3. Michel Đức Chaigneau (1803-1894) là con trai của ông Jean Baptiste Chaigneau và bà Hồ Thị Huề. Michel Đức Chaigneau được sinh ra và lớn lên tại Kinh đô Huế. Sau đó, ông sang Pháp và mất tại Paris. Ông đã để lại bản hồi ký về Kinh thành Huế rất thú vị về địa hình, khí hậu, phân bố hành chính, kiến trúc kinh thành Huế, lễ nghi cung đình, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục trong hôn nhân, tang lễ của người Việt,… trong đó, hoạt động buôn bán tại chợ Được, chợ Dinh, Bao Vinh cũng đã được mô tả chi tiết. [↑](#footnote-ref-3)
4. Michel Đức Chaigneau (2020), *Hồi ức về kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX*, bản dịch của Lê Đức Quang, Trần Đình Hằng giới thiệu, Nxb Hà Nội, tr. 244-245. [↑](#footnote-ref-4)
5. L. Cadière, H. Cosserat (2001), “Những người Pháp phục vụ vua Gia Long”, *Những người bạn Cố đô Huế*, tập IX, 1922, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 32-33. [↑](#footnote-ref-5)
6. Michel Đức Chaigneau (2020), *Sđd*, tr. 245. [↑](#footnote-ref-6)
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tập 5, tr. 100. [↑](#footnote-ref-7)
8. Địa danh chợ Dinh đã xuất hiện trong Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn: “*Xứ Thuận Hóa, huyện Hương Trà…đò chợ Dinh Xuân dương, hàng năm tiền thuế 258 quan, đò dọc khứ hồi từ chợ Dinh Xuân Dương đến Dinh cũ, chợ Sãi, Cam Lộ, Phả Lại hàng năm tiền thuế 64 quan 6 tiền*” [Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 217] [↑](#footnote-ref-8)
9. Dẫn theo Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Văn Đăng (2000), *Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 65-66. [↑](#footnote-ref-9)
10. Phố cảng Thanh Hà được ra đời dưới thời chúa Nguyễn vào thế kỷ XVII khi chúa Nguyễn Phúc Lan dời thủ phủ vào Kim Long. Dưới thời chúa Nguyễn, với đặc điểm trên bến dưới thuyền, Thanh Hà lần lượt đón nhận các thương thuyền ngoại quốc đến Phú Xuân để tiến hành hoạt động giao thương. Tuy nhiên, từ thế kỷ XVIII trở đi, nền ngoại thương Đàng Trong không còn hưng thịnh như thế kỷ trước bởi nhiều nguyên do đến từ phía chính quyền chúa Nguyễn cũng như từ chính sách ngoại thương của các thương nhân ngoại quốc. Với Thanh Hà, ngoài sự chi phối bởi những đặc điểm trên thì xuất hiện của Cồn Bút đã khiến phố cảng này dần mất đi vị thế thuận lợi cho thương thuyền cập bến. Đến cuối thế kỷ XVIII, Đàng Trong lâm vào khủng hoảng toàn diện. Chính quyền chúa Nguyễn sụp đổ. Liền sau đó là cuộc chiến tranh giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn đã tác động lớn đến đời sống xã hội nói chung và hoạt động thương mại tại Thanh Hà nói riêng, khiến hoạt động thương mại nơi đây giảm sút. Vì vậy, thương nhân dịch chuyển lên Bao Vinh để tìm kiếm cơ hội kinh doanh. [↑](#footnote-ref-10)
11. Đỗ Bang (2006), Phố cảng Thanh Hà – Bao Vinh trung tâm thương mại Phú Xuân – Huế thế kỷ XVII – XVIII – XIX, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5, tr.5. [↑](#footnote-ref-11)
12. J. Morineau (1916), “Bao Vinh – Thương cảng của Huế”, *Tập san Những người bạn cố đô Huế*, bản dịch, tập III, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 199. [↑](#footnote-ref-12)
13. J. Morineau (1916), *Bđd*, tr. 198. [↑](#footnote-ref-13)
14. J. Morineau (1916), *Bđd*, tr. 200-201. [↑](#footnote-ref-14)
15. Michel Đức Chaigneau (2020), *Sđd*, tr. 251. [↑](#footnote-ref-15)
16. J. Morineau (1916), *Bđd*, tr. 201. [↑](#footnote-ref-16)
17. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Sđd*, tr. 100. [↑](#footnote-ref-17)
18. Thống kê từ Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, tr. 403, 407, 410, 414. [↑](#footnote-ref-18)
19. q/t: quan/thước [↑](#footnote-ref-19)
20. Nội các triều Nguyễn (1993), *Sđd*, tr. 407. [↑](#footnote-ref-20)
21. Michel Đức Chaigneau (2020), *Sđd*, tr. 243. [↑](#footnote-ref-21)
22. Michel Đức Chaigneau (2020), *Sđd*, tr. 250. [↑](#footnote-ref-22)
23. Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 181-182. [↑](#footnote-ref-23)
24. Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Văn Đăng (2000), *Sđd,* tr. 67. [↑](#footnote-ref-24)
25. Michel Đức Chaigneau (2020), *Sđd*, tr. 250. [↑](#footnote-ref-25)
26. Michel Đức Chaigneau (2020), *Sđd*, tr. 249. [↑](#footnote-ref-26)
27. Michel Đức Chaigneau (2020), *Sđd*, tr. 250. [↑](#footnote-ref-27)
28. Nguyễn Anh Tuấn, Đỗ Minh Điền (2023), Phố cổ tại Thừa Thiên Huế: Lịch sử hình thành và phát huy tiềm năng”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Giá trị di sản văn hóa Huế*, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, tr. 266. [↑](#footnote-ref-28)